

BÁO CÁO
Thường niên năm 2020**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC****A. THÔNG TIN CHUNG VỀ NAVICO****1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nam Việt.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh An Giang cấp ngày 02/10/2006, thay đổi lần thứ 13 ngày 10 tháng 07 năm 2020.
- Vốn điều lệ: **1.275.396.250.000** đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.275.396.250.000 đồng.
- Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, An Giang.
- Số điện thoại: (0296) 3834 065 - (0296) 3834 060.
- Số fax: (0296) 3834 054 - (0296) 3932 486.
- Website: www.navicorp.com.vn
- Mã cổ phiếu: ANV

2. Quá trình hình thành và phát triển

Từ những ngày đầu thành lập, Navico đã không ngừng đầu tư vào chuỗi giá trị khép kín để có được thành quả như ngày hôm nay với hệ thống từ ương giống, sản xuất thức ăn, vùng nuôi cá tra thành phẩm, nhà máy chế biến đông lạnh, nhà máy bao bì, nhà máy phụ phẩm dầu cá, bột cá. Đầu tư góp vốn thành lập nhà máy sản xuất collagen và gelatin, đầu tư thành lập nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ, đầu tư sản xuất điện năng lượng mặt trời.

Những sự kiện quan trọng:

Năm 1993	Công ty Cổ phần Nam Việt có tiền thân là Công ty TNHH Nam Việt được thành lập vào năm 1993 hoạt động trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp.
Năm 2000	Công ty có bước chuyển biến quan trọng đầu tư sang lĩnh vực chế biến thủy sản.
Năm 2006	Chuyển hình thức sang Công ty Cổ phần với số vốn điều lệ là 660 tỷ đồng.
Tháng 12 năm 2007	Cổ phiếu Nam Việt chính thức được niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là ANV
Năm 2011	Công ty bắt đầu xây dựng vùng nuôi cá nguyên liệu.

Năm 2012	Công ty xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và đi vào hoạt động với 4 dây chuyền sản xuất, tổng công suất 400 tấn/ngày.
Năm 2016	Công ty đã có 8 dây chuyền sản xuất thức ăn với tổng công suất lên đến 800 tấn/ngày đáp ứng 100% nhu cầu thức ăn cho 250 ha vùng nuôi cá nguyên liệu của công ty, phần còn lại bán ra thị trường.
Năm 2017	Công ty tăng vốn điều lệ từ 660.000.000.000 đồng lên 1.250.446.250.000 đồng.
Năm 2018	Đầu tư Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nuôi trồng thủy sản Nam Việt Bình Phú diện tích 600ha
Năm 2019	Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.250.446.250.000 đồng lên 1.275.396.250.000 đồng.
Tháng 03 năm 2020	Góp vốn thành lập Công ty TNHH Amicogen Nam Việt, Vốn điều lệ 46 tỷ 480 triệu đồng; % góp vốn là 50%; Ngành nghề: sản xuất collagen và gelatin. Công suất 780 tấn / năm.
Tháng 05 năm 2020	Thành lập Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar, Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar, Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar; Tổng vốn điều lệ 64 tỷ đồng; % góp vốn là 100%; Ngành nghề: sản xuất điện năng lượng mặt trời. Thi công và bán điện trong năm 2020 là 46 cụm năng lượng mặt trời áp mái với công suất 53 MW.
Tháng 07 năm 2020	Thành lập công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt, Vốn điều lệ 5 tỷ đồng; % góp vốn là 100%; Ngành nghề: sản xuất phân bón hữu cơ, Công suất 70.000 tấn / năm.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Sản xuất chế biến thức ăn thủy sản;
- Sản xuất bao bì;
- Chế biến bảo quản thủy sản & các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật;
- Sản xuất phân bón hữu cơ;
- Sản xuất điện năng lượng mặt trời;
- Sản xuất collagen và gelatin;
- Sản xuất phân bón hữu cơ.

3.2. Địa bàn kinh doanh: Navico là doanh nghiệp xuất khẩu cá tra hàng đầu thế giới đến hơn 100 Quốc gia trên khắp thế giới.

- Châu Á: Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, Đài Loan, Singapore, Ấn Độ...
- Châu Âu: Anh, Pháp, Bỉ, Italya, Hà Lan, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Hy Lạp, Rumania, Ukraine....

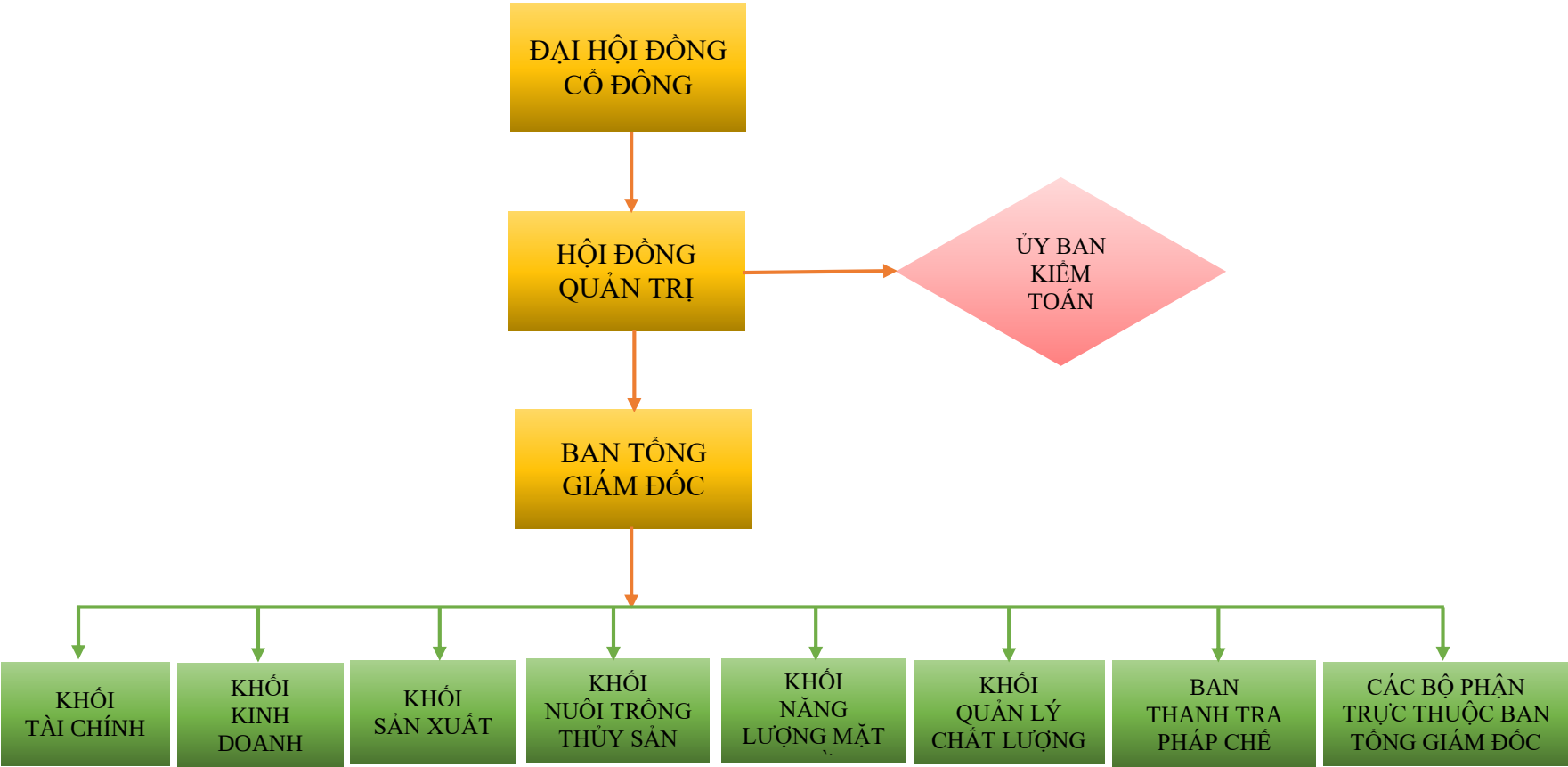
- Châu Mỹ: Mexico, Brazil, Colombia, Chi le, Argentina, Costa Rica, Canada...
- Trung Đông: Ả Rập Saudi, Kuwait, UAE...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị; Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
- Tổng giám đốc.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý



5. Các công ty con, công ty liên kết

5.1. Các công ty con

i. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	
Địa chỉ	: KCN Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại	: 02923 649 262
Vốn điều lệ	: 36.000.000.000
Vốn NAVICORP góp	: 36.000.000.000
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	: 100%
Ngành nghề kinh doanh chính	: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; chế biến dầu cá, bột cá.
ii. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Nam Việt Bình Phú	
Địa chỉ	: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	: 02963 932 486
Vốn điều lệ	: 540.000.000.000
Vốn NAVICORP đã góp	: 540.000.000.000
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	: 100%
Ngành nghề kinh doanh chính	: Nuôi trồng thủy sản
iii. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt	
Địa chỉ	: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	: 02963 932 486
Vốn điều lệ	: 5.000.000.000
Vốn NAVICORP đã	: 5.000.000.000

góp	
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	: 100%
Ngành nghề kinh doanh chính	: Sản xuất phân bón hữu cơ
iv. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	
Địa chỉ	: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	: 0296 3932486
Vốn điều lệ	: 54.000.000.000
Vốn NAVICORP đã góp	: 54.000.000.000
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	: 100%
Ngành nghề kinh doanh chính	: Sản xuất điện năng lượng mặt trời.
v. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	
Địa chỉ	: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	: 0296 3932486
Vốn điều lệ	: 5.000.000.000
Vốn NAVICORP đã góp	: 5.000.000.000
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	: 100%
Ngành nghề kinh doanh chính	: Sản xuất điện năng lượng mặt trời.
vi. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	

Địa chỉ	: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	: 0296 3932486
Vốn điều lệ	: 5.000.000.000
Vốn NAVICORP đã góp	: 5.000.000.000
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	: 100%
Ngành nghề kinh doanh chính	: Sản xuất điện năng lượng mặt trời.

Các công ty liên kết

i. Tên Công ty	: Công ty TNHH Amicogen Nam Việt
Địa chỉ	: Lô 4A, KCN Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại	: 0296 649 769
Vốn điều lệ	: 46.480.000.000
Vốn NAVICORP đã góp	: 23.240.000.000
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	: 50%
Ngành nghề kinh doanh chính	: sản xuất collagen và gelatin

6. Định hướng phát triển:

- ❖ **Các mục tiêu chủ yếu:** Đưa công ty trở về vị trí dẫn đầu của ngành bằng việc tận dụng các lợi thế sẵn có từ chuỗi giá trị khép kín và phát triển mở rộng thị trường.
- ❖ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**
 - Tiếp tục phát triển chuyên sâu, áp dụng công nghệ cao và hoàn thành chuỗi giá trị khép kín từ con giống, sản xuất thức ăn thủy sản, nuôi trồng thủy sản đến chế biến xuất khẩu.
 - Đầu tư sản xuất các sản phẩm từ nguồn nguyên liệu thu được từ chuỗi sản xuất từ nuôi trồng đến chế biến xuất khẩu, cụ thể là: đầu tư sản xuất Collagen và Genlatin, công suất 780 tấn / năm; đầu tư sản xuất phân bón hữu cơ từ phân cá và cá, công suất 70.000 tấn / năm.
 - Đa dạng hóa sản phẩm chế biến từ cá tra và quan tâm phát triển thị trường nội địa.

- Đầu tư điện năng lượng mặt trời 650 Mw theo lộ trình Quy hoạch điện VIII được Chính phủ phê duyệt.

- Ứng dụng các thành tựu công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất và quản lý để nâng cao năng suất và hiệu quả.

❖ Các mục tiêu phát triển bền vững:

- **Thị trường tiêu thụ:** Đa dạng hóa sản phẩm chế biến từ cá tra và quan tâm phát triển thị trường nội địa

- **Chất lượng sản phẩm:** đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tiêu chuẩn đầu ra của từng thị trường. Đảm bảo chất lượng sản phẩm đến tay người tiêu dùng

- **Đối với môi trường:** không ngừng cải tiến hệ thống quản lý môi trường, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, thực hiện tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng, chung tay bảo vệ môi trường, nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- **Đối với xã hội:** thực hiện minh bạch giờ công, tiền lương, các chế độ phúc lợi xã hội. Đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động, bảo vệ và nâng cao sức khỏe và tạo môi trường làm việc lành mạnh cho người lao động.

7. Các rủi ro:

❖ Rủi ro đặc thù ngành:

- **Rủi ro về dịch bệnh, ô nhiễm môi trường:** Những năm gần đây tình hình biến đổi khí hậu diễn biến khá tiêu cực, nước biển dâng đã làm nước mặn tiến sâu vào nội đồng, tuy các vùng nuôi của Nam Việt không bị xâm nhập mặn nhưng hạn hán mức độ cao cũng ảnh hưởng đến vùng sản xuất giống và nuôi cá tra thương phẩm. Nam Việt chủ động xây dựng các kênh/ ao chứa để bơm vào ao nuôi chứ không bơm trực tiếp từ nguồn nước tự nhiên nên chủ động ứng phó hạn hán và nước ô nhiễm.

- **Rủi ro tăng giá nguyên vật liệu:** Thị trường thiếu con giống sẽ làm giá cá được đẩy lên mức cao. Ngoài việc giá con giống cao, việc đổ xô nhau nuôi cá tra sẽ khiến cho giá thức ăn, thuốc thủy sản có thể tăng theo, từ đó khiến cho giá thành các yếu tố nguyên liệu đầu vào tăng. Việc tự chủ nguồn nguyên liệu bằng việc đầu tư vào các vùng nuôi giúp Navico kiểm soát tốt được chi phí nguyên vật liệu cũng như chất lượng đầu vào của sản phẩm.

- **Rủi ro thị trường xuất khẩu:** Việc xuất khẩu sang các thị trường chính như EU, Trung Quốc, Nam Mỹ... vẫn còn nhiều rủi ro do rào cản thương mại chặt chẽ từ các nước nhập khẩu, sự cạnh tranh của các sản phẩm cùng loại, sự thay đổi hành vi người tiêu dùng và đặc biệt là dịch Covid- 19 chưa kết thúc... Navico từ đầu đã định hướng rõ trong việc đa dạng thị trường xuất khẩu, phát triển thị trường nội địa, tránh việc tập trung quá nhiều vào bất cứ một thị trường nào giúp phần nào giảm được rủi ro.

- **Rủi ro việc làm:** Sự thay đổi của thị trường, khách hàng, sản phẩm hay các vấn đề như thời tiết, chính sách sẽ khiến nhu cầu lao động của công ty thay đổi. Khối lượng công việc tăng lên sẽ gây thiếu hụt lao động, ảnh hưởng đến sản xuất, chất lượng sản phẩm. Hoặc khi thị trường gặp khó khăn, quy mô sản xuất bị thu hẹp khiến dư thừa lao động, Navico đã và đang nỗ lực đẩy mạnh sản xuất kinh doanh để tạo ra ngày càng nhiều việc làm, thu nhập; Xây dựng chính sách nhân sự và bố trí lao động phù hợp để có thể ứng phó với các biến động về nhu cầu lao động. Xây dựng chính sách chăm lo cho người lao động thỏa đáng để giữ chân lao động giỏi, có được sự cống hiến và nỗ lực cao nhất từ người lao động.

❖ **Rủi ro tài chính:**

- **Rủi ro lãi suất:** Với Navico, chi phí lãi vay bình quân năm qua chỉ chiếm khoảng 1,8% doanh thu thuần nhưng nếu xu hướng ổn định của mặt bằng lãi suất cũng ít nhiều tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- **Rủi ro tỷ giá hối đoái:** Với việc xuất khẩu là hướng kinh doanh chính của Công ty và lượng ngoại tệ thu về chủ yếu là USD, thì việc biến động tỷ giá hối đoái cũng sẽ là một vấn đề đáng quan tâm đối với ban lãnh đạo Công ty.
- **Tỷ giá USD:** Hiện tại Navico các hợp đồng xuất khẩu ký kết thanh toán chủ yếu bằng USD nên việc ổn định tỷ giá cũng sẽ là một thuận lợi cho tình hình kinh doanh của Công ty.

❖ **Rủi ro môi trường:**

- Nuôi và xuất khẩu cá tra ở địa bàn Đồng Bằng Sông Cửu Long đã và đang mang lại hiệu quả kinh tế cao và hứa hẹn tiềm năng phát triển lớn. Tuy vậy, những năm gần đây, tỷ lệ hao hụt khi nuôi cá tra ngày càng cao, thậm chí có ao nuôi cá hao hụt hơn 50%, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế cho người nuôi. Nếu tiếp tục bỏ quên vấn đề bảo vệ môi trường thì tình trạng suy thoái môi trường do nuôi cá sẽ tác động mạnh đến nghề nuôi và là cản trở lớn nhất cho việc phát triển con cá tra trong thời gian tới.

❖ **Rủi ro khác:**

- Những rủi ro khác bao gồm các rủi ro không thể dự đoán được như tình hình tăng giá vận chuyển, bảo quản hàng hóa, lưu kho... là những rủi ro có nguy cơ xảy ra thấp nhưng có tác động lớn đến tình hình kinh doanh của toàn Công ty.

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid 19 toàn cầu, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Navico tuy không bằng năm 2019 nhưng vẫn đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra là nhờ vào chuỗi sản xuất khép kín giúp giảm tối đa chi phí và việc tích cực mở rộng thêm thị trường.
- Tiếp tục đầu tư mở rộng vùng nuôi công nghệ cao để hoàn thành chuỗi giá trị khép kín.
- Tiếp tục phát triển dòng sản phẩm cá đã nhận được phản hồi tích cực từ phía khách hàng. Xây dựng và đưa vào hoạt động điện năng lượng mặt trời áp mái với tổng công suất 53 MWp.

1.1. Môi trường kinh doanh 2020

❖ Thuận lợi:

- Navico hiện đang có chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất thức ăn, nuôi trồng thủy sản và chế biến thủy sản, từ đó chủ động được nguồn nguyên liệu cá cho sản xuất tiêu thụ.
- Công ty có sẵn các nhà máy có công suất 1.000 tấn nguyên liệu / ngày nên đáp ứng đủ khi nhu cầu tăng cao.
- Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam có điều kiện sinh thái thuận lợi cho việc nuôi cá tra quy mô lớn, hơn nữa trong nhiều thập niên qua An Giang không bị ảnh hưởng của xâm nhập mặn.
- Công suất nhà máy chế biến thức ăn có khả năng đáp ứng nhu cầu của toàn bộ vùng nuôi.
- Navico là một thương hiệu hàng đầu về các sản phẩm cá tra và là thương hiệu uy tín đối với khách hàng trên thế giới; Công ty có thị trường xuất khẩu tương đối đa dạng và ổn định qua nhiều năm.
- Thuế nhập khẩu theo Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) sẽ được giảm từ mức hiện tại 5,5% xuống 0% trong 3 năm đối với cá fillet đông lạnh.

❖ Khó khăn:

- Nguồn lao động không ổn định thường di chuyển giữa các doanh nghiệp trong và ngoài ngành.
- Thị trường: Một số thị trường dựng lên các hàng rào phi thuế quan để hạn chế và thắt chặt kiểm soát hàng hóa nhập khẩu
- Giá bán: dịch Covid 19 toàn cầu đã ảnh hưởng việc xuất khẩu, giá bán giảm.

1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

❖ Tình hình thực hiện chỉ tiêu so kế hoạch đã đề ra:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2020	TH2020	TH2020/ KH2020
Tổng doanh thu	Triệu đồng	3.000.000	3.477.498	115,9%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	200.000	202.170	101%

❖ Kết quả hoạt động SXKD năm 2020

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	Tỷ lệ năm 2020 so với năm 2019
1	Doanh thu thuần	4,480,866	3,438,664	76.74%
2	Giá vốn hàng bán	3,438,294	2,953,993	85.91%
3	Lợi nhuận gộp	1,042,572	484,671	46.49%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	52,427	42,934	81.89%
5	Chi phí hoạt động tài chính	60,121	80,031	133.12%
6	Chi phí bán hàng	190,709	185,263	97.14%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	46,560	56,562	121.48%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	797,608	205,458	25.76%
9	Lợi nhuận khác - Tổng	32,895	34,174	103.89%
10	Lợi nhuận trước thuế	830,504	239,632	28.85%
11	Lợi nhuận sau thuế	704,044	202,170	28.72%

2. Tổ chức và nhân sự

❖ Danh sách HĐQT và Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Quá trình công tác
1	Ông Doãn Tới	Tổng giám đốc - phó Chủ tịch HĐQT	▪ Năm sinh: 1954. ▪ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật. ▪ Quá trình công tác: - Từ tháng 10 năm 2006: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt. - Từ năm 2001 đến tháng 09 năm 2006: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nam Việt. - Từ năm 1971 đến năm 2001: Sỹ quan quân đội (cấp bậc Thượng tá) đến 2001 nghỉ hưu. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 71.805.000 cổ phần – 56,3% vốn điều lệ.
2	Ông Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch HĐQT- Phó Tổng Giám đốc	▪ Năm sinh: 1975. ▪ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh. ▪ Quá trình công tác: - Từ tháng 01/2011: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Nam Việt. - Từ năm 2004 đến tháng 09 năm

			2010: Giám đốc sản xuất Công ty CP Nam Việt. - Từ năm 2000 đến năm 2004: Phó Giám đốc Nhà máy đông lạnh Thủy sản Nam Việt. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 469.000 cổ phần – 0,37% vốn điều lệ.
3	Ông Doãn Chí Thanh	TV HĐQT- Giám đốc Khối Kinh Doanh	▪ Năm sinh: 1983. ▪ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tin học. ▪ Quá trình công tác: - Từ tháng 06 năm 2011: Giám Đốc khối Kinh doanh. - Từ năm 2008 đến năm 2011: Phó Giám Đốc Xuất nhập khẩu. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 17.160.000 cổ phần – 13,45% vốn điều lệ.
4	Ông Doãn Chí Thiên	Thành viên HĐQT- Trợ lý Tổng Giám đốc	▪ Năm sinh: 1989. ▪ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế. ▪ Quá trình công tác: - Từ năm 2012: Trợ lý Tổng Giám Đốc, Công ty CP Nam Việt. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 17.159.999 cổ phần – 13,45% vốn điều lệ.
5	Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên độc lập HĐQT	▪ Năm sinh: 1979 ▪ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ▪ Quá trình công tác: - Từ 02/2004 kế toán CTCP Nam Việt. - Từ 2010 đến nay: kế toán DNTN Thanh Thiên. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ.
6	Doãn Hải Phượng	Thành viên độc lập HĐQT	▪ Năm sinh: 1991. ▪ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế. ▪ Quá trình công tác: - Từ 2013-2014: chuyên viên phân tích Cty Chứng khoán Bản Việt

			- Từ 2015- 2018: chuyên viên phân tích Cty Chứng khoán Vietcombank - Từ 6/2018- 12/2018: chuyên viên phân tích Cty Chứng khoán Hồ Chí Minh. - Từ 2019: trợ lý Giám đốc Cty TNHH TMDV Navifeed. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 50.100 cổ phần – 0,04% vốn điều lệ.
7	Ông Nguyễn Văn Vỹ	Phó Tổng giám đốc	▪ Năm sinh: 1976. ▪ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. ▪ Quá trình công tác: 19 năm tại CTCP Nam Việt. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ.
8	Ông Trần Minh Cảnh	Phó Tổng giám đốc	▪ Năm sinh: 1965. ▪ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế. ▪ Quá trình công tác: - Từ năm 2008 đến 2010: Phó Giám Đốc Tài chính, Công ty CP Nam Việt. - Từ 2010 đến tháng 06/2017: Giám Đốc Tài Chính, Công ty CP Nam Việt. - Từ 01/7/2020: Phó Tổng Giám đốc kiêm giám đốc tài chính. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần – 0,016% vốn điều lệ.
9	Bà Huỳnh Thị Kim Thoa	Kế toán trưởng	▪ Năm sinh: 1985. ▪ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành kế toán Doanh Nghiệp. ▪ Quá trình công tác: Từ ngày 19/07/2007 công tác tại Tập Đoàn Nam Việt. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần – 0,016% vốn điều lệ.

❖ Những thay đổi trong ban điều hành

TT	Thành viên	Chức vụ	Lý do thay đổi
1	Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc từ 01/7/2020 để nghỉ hưu.
2	Ông Trần Minh Cảnh	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc từ 01/7/2020.

❖ Số lượng cán bộ nhân viên

Tính đến 31/12/2020, tổng số lao động của Tập đoàn là 5.978 người, với cơ cấu như sau:

TT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Đại học và Trên Đại học	335	5.6%
2	Cao đẳng, Trung cấp nghề	400	6.7%
3	Sơ cấp, Công nhân Kỹ thuật	35	0.6%
4	Lao động phổ thông	5,208	87.1%
II	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động toàn thời gian	5,978	100.0%
2	Lao động bán thời gian	-	0.0%
III	Theo giới tính		
1	Nam	3,173	53.1%
2	Nữ	2,805	46.9%

❖ Một số chính sách đối với người lao động năm 2020

- Công ty áp dụng chính sách tiền lương và khen thưởng cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định pháp luật và quy chế lương thưởng của công ty dựa trên các cơ sở về hiệu quả công việc của từng người, theo mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất và lợi nhuận của công ty.

- Công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ và các hoạt động tinh thần khác do Công đoàn, Các tổ chức đoàn thể ở địa phương tổ chức nhân các ngày lễ, các dịp kỷ niệm trong năm như: Quốc tế Phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, Ngày thành lập Công ty, năm mới...

- Các chế độ phúc lợi khác:

- ✓ Thưởng các dịp Lễ, lương tháng 13, thưởng thành tích cuối năm.
- ✓ Khám sức khỏe định kỳ.
- ✓ Đồng phục và Bảo hộ lao động.
- ✓ Các khoản trợ cấp khác: Trợ cấp khó khăn, trợ cấp tang chế, chế độ nghỉ mát hàng năm; chế độ công tác phí; trợ cấp tiền xăng...
- ✓ Tổ chức du lịch để cải thiện tinh thần làm việc

3. Tình hình đầu tư

❖ Các Dự án phát sinh trong năm

- Tiếp tục đầu tư dự án Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nuôi trồng thủy sản Bình Phú. Dự án được xây dựng trong năm 2019 - 2020. Hiện tại, tiến độ của dự án đã hoàn thành được 229 ao cá thịt, 64 ao cá giống và lắp đặt các hệ thống, các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất công nghệ cao như hệ thống cho ăn tự động, máy xử lý nước công nghệ nano. Đầu tư 3 hệ thống sông trong ao có mái che nhà màng để sản xuất cá tra giống.

- Góp vốn thành lập Công ty TNHH Amicogen Nam Việt sản xuất Collagen và Genlatin, công suất 780 tấn/năm, với vốn góp là 50%, số tiền 23.240.000.000 đồng, tiến độ thực hiện là đã hoàn thành giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

- Thành lập công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt, vốn điều lệ 5 tỷ đồng; % góp vốn là 100%; Ngành nghề: sản xuất phân bón hữu cơ, công suất 70.000 tấn/năm.

- Đầu tư 53 MW điện mặt trời áp mái tại các nhà máy và vùng nuôi, tổng kinh phí 477 tỷ, đã hoàn thành trong năm 2020

❖ Các khoản đầu tư dài hạn

Tính đến 31/12/2020 Công ty vẫn duy trì danh mục đầu tư dài hạn, có phát sinh giảm giá trị đầu tư

Tên công ty đầu tư	31/12/2020	31/12/2019
Ngân hàng Thương mại CP Hàng Hải	123.600.000.000	135.000.000.000
Công ty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	20.304.000.000
Cộng	143.904.000.000	155.304.000.000

❖ Các công ty con, công ty liên kết:

CÔNG TY TNHH MTV ÁN ĐỘ DƯƠNG

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu	Tr đồng	880,599	1,189,076
LNTT	Tr đồng	148,080	91,374
Tài sản	Tr đồng	283,750	376,286
Vốn điều lệ	Tr đồng	36,000	36,000

CÔNG TY TNHH MTV NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NAM VIỆT BÌNH PHÚ

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu	Tr đồng	-	696,159

LNTT	Tr đồng	(6,605)	(3,625)
Tài sản	Tr đồng	1,028,694	1,412,510
Vốn điều lệ	Tr đồng	540,000	540,000

CÔNG TY TNHH MTV PHÂN BÓN HỮU CƠ NAM VIỆT

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu	Tr đồng	-	-
LNTT	Tr đồng	-	(9)
Tài sản	Tr đồng	-	5,249
Vốn điều lệ	Tr đồng	-	5,000

Công ty mới thành lập ngày 24/07/2020

CÔNG TY TNHH MTV NAM VIỆT SOLAR

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu	Tr đồng	-	165,754
LNTT	Tr đồng	-	6,236
Tài sản	Tr đồng	-	540,670
Vốn điều lệ	Tr đồng	-	54,000

Công ty mới thành lập ngày 15/05/2020

CÔNG TY TNHH MTV ÁN ĐỘ DƯƠNG SOLAR

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu	Tr đồng	-	1,829
LNTT	Tr đồng	-	1,086
Tài sản	Tr đồng	-	44,059
Vốn điều lệ	Tr đồng	-	5,000

Công ty mới thành lập ngày 22/06/2020

CÔNG TY TNHH MTV ĐẠI TÂY DƯƠNG SOLAR

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
----------	-----	----------	----------

Doanh thu	Tr đồng	-	2,179
LNTT	Tr đồng	-	1,430
Tài sản	Tr đồng	-	43,010
Vốn điều lệ	Tr đồng	-	5,000

Công ty mới thành lập ngày 20/06/2020

CÔNG TY TNHH AMICOGEN NAM VIỆT (công ty liên kết)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu	Tr đồng	-	-
LNTT	Tr đồng	-	(585)
Tài sản	Tr đồng	-	46,048
Vốn điều lệ	Tr đồng	-	46,480

Công ty mới thành lập ngày 30/03/2020

4. Tình hình tài chính:

TT	Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2019 (tr. Đồng)	Năm 2020 (tr. Đồng)	% tăng giảm trong năm 2020
1	Tổng giá trị tài sản	4,134,598	4,834,080	16.92%
2	Doanh thu thuần	4,480,866	3,438,664	-23.26%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	797,609	205,458	-74.24%
4	Lợi nhuận khác	32,895	34,174	3.89%
5	Lợi nhuận trước thuế	830,504	239,632	-71.15%
6	Lợi nhuận sau thuế	704,044	202,170	-71.28%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1.56	1.19
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0.64	0.38
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	42.3	51.7
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	%	73.3	107.1

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	vòng	2.7	1.70
+ Vòng quay tổng tài Sản:	vòng	1.19	0.77
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	15.71	5.9
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	29.51	8.7
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	17.03	4.2
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	17.8	6.0

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

❖ Cổ phần

- Số lượng cổ phần: 127.539.625 cổ phần
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
- Số cổ phiếu ưu đãi: không có
- Số cổ phiếu phổ thông: 127.539.625 cổ phần
- Số cổ phiếu đang lưu hành: 127.127.875 cổ phần
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 127.127.875 cổ phần
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

❖ Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu (Chốt ngày 04/12/2020)

STT	TỶ LỆ SỞ HỮU	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN
1	Trên 5% sở hữu	106.124.999
2	Dưới 5% sở hữu	21.414.626

❖ Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Cổ đông trong nước	125.443.454	98,68%
Cá nhân	125.132.376	98,43%
Tổ chức	311.078	0,25%
Cổ đông nước ngoài	1.684.421	1,32%
Cá nhân	305.917	0,24%
Tổ chức	1.378.504	1,08%
Tổng cộng	127.127.875 (CHƯA TÍNH CỔ PHIẾU QUỸ 411,750)	100%

- ❖ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2020, Công ty không phát hành thêm cổ phiếu.
- ❖ Giao dịch cổ phiếu quỹ: Tính đến 31/12/2020, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là 411.750 cổ phiếu (tương đương 10,252 tỷ đồng). Trong năm 2020, Công ty không mua cổ phiếu quỹ.
- ❖ Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

- ❖ Quản lý nguồn nguyên vật liệu
 - Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm 2020: Giấy đóng thùng 5.745.538 kg và hạt nhựa 680.325 kg.
 - Tỷ lệ % nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sx và đóng gói các sản phẩm chính của tổ chức trong năm: 3,78% (25.765 kg / 680.325 kg)
- ❖ Báo cáo tiêu thụ năng lượng
 - Trong năm 2020, Công ty luôn thực hiện các chính sách tiết kiệm nguồn năng lượng như điện, xăng, dầu với mục đích vừa tiết kiệm chi phí cho công ty và cả tiết kiệm tài nguyên cho quốc gia, bảo vệ môi trường. Với các sáng kiến tiết kiệm năng lượng của công ty như:
 - Sử dụng một số thiết bị tiết kiệm năng lượng tại văn phòng, xí nghiệp.
 - Sử dụng bóng đèn LED
 - Quán triệt, xây dựng cho nhân viên, cán bộ, người lao động thói quen tiết kiệm điện.

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	2020
1	Điện (Kwh)	131,793,394
2	Gas (kg)	28,603

- ❖ Báo cáo tiêu thụ nước
 - Với đặc thù hoạt động của công ty, lượng nước công ty sử dụng cho các hoạt động như nuôi trồng cá tra, cá rô; sử dụng trong hoạt động chế biến các sản phẩm chính của công ty; sử dụng trong hoạt động chế biến thức ăn cho cá và sử dụng nước cho sinh hoạt.
 - Song song với chính sách tiết kiệm năng lượng, Công ty cũng có các hoạt động, chính sách tiết kiệm nguồn nước sử dụng. Nguồn cung cấp nước chủ yếu của công ty là từ nguồn nước giếng. Lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt của Công ty trung bình là 410 m³/ngày.
- ❖ Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Trong năm công ty không vi phạm luật và các quy định về môi trường.
- ❖ Chính sách liên quan đến người lao động:
 - Hiện nay, Công ty có tổng cộng 5.978 người lao động với thu nhập bình quân đạt 6.099.000 đồng/người/tháng. Cơ cấu nhân sự của Công ty như sau:

- Ngoài những chính sách đãi ngộ, Navico đặc biệt quan tâm đến hoạt động đào tạo huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động. Trong năm qua, Công ty đã nghiêm túc thực hiện theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết về một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. Cụ thể:

Đối tượng tham gia đào tạo	Số giờ đào tạo
Nhóm 1: Người quản lý phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động	Ít nhất 16 giờ
Nhóm 2: Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động	Ít nhất 48 giờ
Nhóm 3: Người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động	
Nhóm 4: Người lao động không thuộc các nhóm 1, 2, 3 và 5, bao gồm cả người học nghề, tập nghề, thử việc để làm việc cho người sử dụng lao động.	Ít nhất 24 giờ
Nhóm 5: Người làm công tác y tế.	Ít nhất 56 giờ
Nhóm 6: An toàn, vệ sinh viên	Ít nhất 4 giờ

❖ Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Navico hằng năm luôn có các hoạt động để đóng góp cho cộng đồng xã hội. Ngoài các hoạt động đóng góp sức lực trực tiếp cho việc giữ gìn cộng đồng xã hội, Công ty còn hỗ trợ tài chính cho cộng đồng địa phương.

- Những năm qua, Công ty đã có những đóng góp tài chính về:
 - Công ty đóng góp quỹ Mùa Xuân.
 - Công ty đóng góp quỹ Công tác xã hội từ thiện.
 - Đóng góp Quỹ đền ơn đáp nghĩa.
 - Đóng góp Quỹ học bổng (do gia đình Tổng Giám đốc tài trợ).
 - Công ty khen thưởng cho con của CB-CNV lao động có thành tích trong học tập.

C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2020 được xem là một năm khó khăn của tất cả các ngành nghề kinh doanh, của tất cả các nước trên thế giới do ảnh hưởng của dịch Covid 19; giá trị xuất khẩu cá tra sụt giảm. Giá cá tra nguyên liệu giảm dưới 20.000 đồng/kg

- Tuy nhiên, với mô hình sản xuất khép kín được đầu tư từ nhiều năm qua, Navico đã vượt qua khó khăn và đã hoàn thành chỉ tiêu doanh số và lợi nhuận sau thuế.

- Hiện nay, Công ty đảm bảo tự chủ 100% thức ăn cho việc nuôi trồng, 100% cá nguyên liệu cho các nhà máy chế biến, trong đó:

- 10 lines nhà máy thức ăn với công suất hơn 1000 tấn thành phẩm/ngày.
- 17 vùng nuôi cá Cty CP Nam Việt với tổng diện tích mặt nước đạt 250ha.
- Gần 600 ha vùng nuôi Công ty TNHH MTV NTTS Nam Việt – Bình Phú đã xây dựng hoàn thành được 224 ao cá thịt, 64 ao cá giống.
- 3 nhà máy chế biến với tổng công suất thiết kế 1.000 tấn cá nguyên liệu/ngày, gồm:
 - Nhà máy Ấn Độ Dương: 600 tấn cá nguyên liệu/ngày.
 - Nhà máy Nam Việt: 250 tấn cá nguyên liệu/ngày.
 - Nhà máy Thái Bình Dương: 50 tấn cá nguyên liệu/ngày.

❖ Kết quả SXKD trong năm 2020

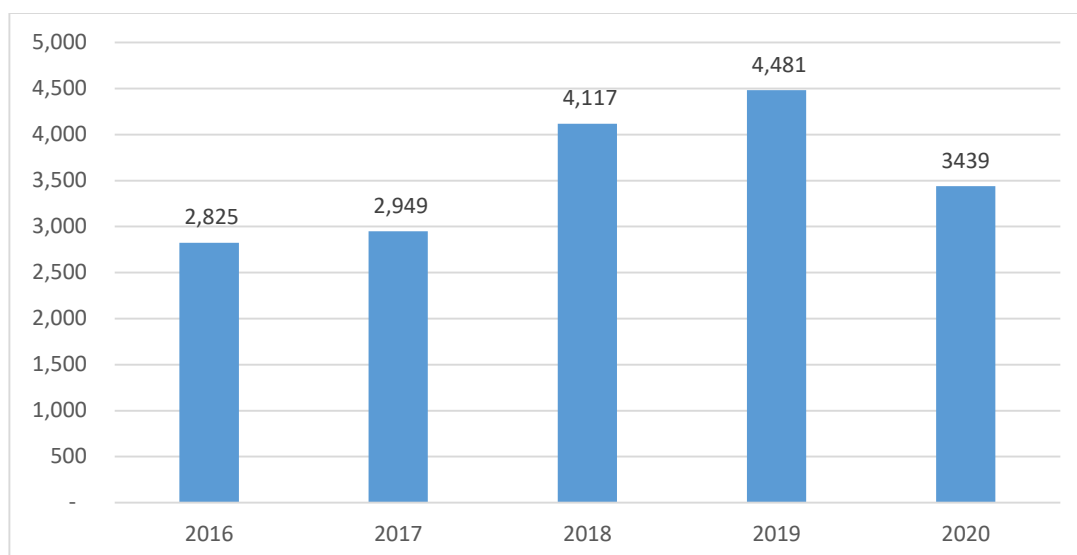
- Các chỉ tiêu hợp nhất

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Tăng giảm trong năm 2020
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4481	3439	-1042
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	831	240	-591
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	704	202	-502
EPS	đồng /CP	5541	1,590	-3951
Cổ tức chi trả / vốn điều lệ	%	20%	10%	-10%
Số lượng lao động	Người	5593	5978	385
Thu nhập bình quân đầu người	Tr đồng / người	8.4	6.1	-2.3

- **Doanh thu thuần** của toàn công ty trong năm 2020 đạt 3.439 tỷ đồng, giảm 23,2% so với cùng kỳ năm trước.

- **Biểu đồ tăng trưởng doanh thu qua các năm:**

ĐVT: tỷ đồng



- **Biểu đồ cơ cấu doanh thu:**



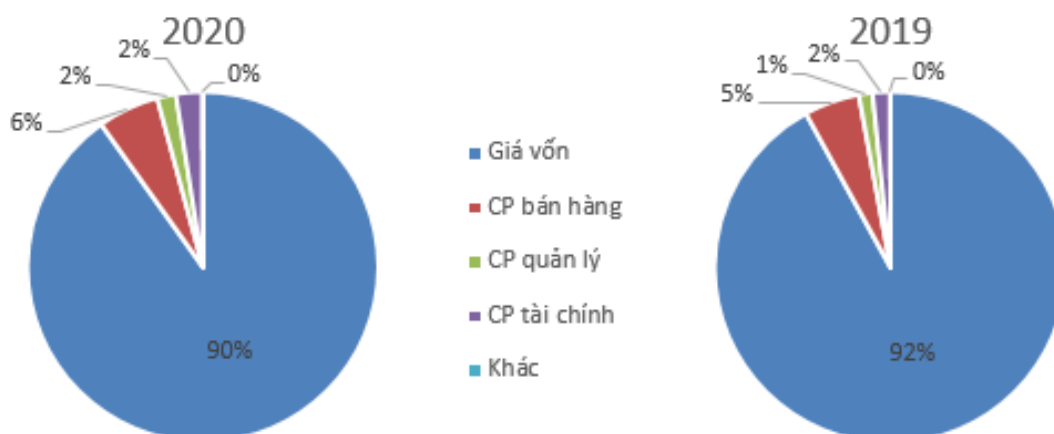
- **Chi tiết doanh thu năm 2020 (thay đổi theo số liệu kiểm toán)**

STT	Doanh Thu	Loại tiền	Tỷ lệ 2019	Tỷ lệ 2020
1	Thành phẩm đông lạnh	VND	84.00%	63.88%
2	Thành phẩm chả cá	VND		10.21%
3	Phụ Phẩm	VND	4.50%	6.05%
4	Thức ăn	VND	10.50%	9.01%
5	Cá nguyên liệu	VND	0.80%	9.35%
6	Điện mặt trời	VND		0.20%
7	Khác	VND	0.20%	1.29%
	Tổng cộng VND		100.00%	100.00%

Doanh thu bán thành phẩm đông lạnh vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu của Navico chiếm 63,88%, năm 2020 có thêm sản phẩm mới là Chả cá, chiếm tỷ trọng 10,2%.

❖ Về cơ cấu chi phí hoạt động

- **Biểu đồ cơ cấu chi phí hoạt động của Navico**



STT	Doanh Thu	Loại tiền	Tỷ lệ 2019	Tỷ lệ 2020
1	Giá vốn	VND	92.01%	90.15%
2	CP bán hàng	VND	5.10%	5.65%
3	CP quản lý	VND	1.25%	1.73%
4	CP tài chính	VND	1.61%	2.44%
5	Khác	VND	0.03%	0.03%
	Tổng cộng VND		100.00%	100.00%

Giá vốn hàng bán vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí của Navico. Chi phí giá vốn hàng bán trong năm 2020 chiếm 90,15% tổng chi phí, giảm nhẹ 1,86% trong cơ cấu chi phí so với năm 2019.

❖ Tình hình tài sản

Tính đến 31/12/2020, giá trị tổng tài sản đạt 4.834 tỷ đồng, cao hơn 16,9% so với năm 2019. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 58%, tăng 3,5% trong cơ cấu tài sản so với năm 2019.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, hàng tồn kho của Công ty chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 68%, tiếp đến là các khoản phải thu ngắn hạn và đầu tư tài chính ngắn hạn lần lượt chiếm 16% và 11,5%.

Đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 49,7% đến từ dự án khu nuôi trồng thủy sản Bình Phú. Ngoài ra, các khoản tài sản dở dang dài hạn và mục đầu tư tài chính dài hạn cũng chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản dài hạn, tương ứng 38,19% và 7,17%.

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Navico trong năm 2020 có thay đổi so với năm 2019, trong đó:

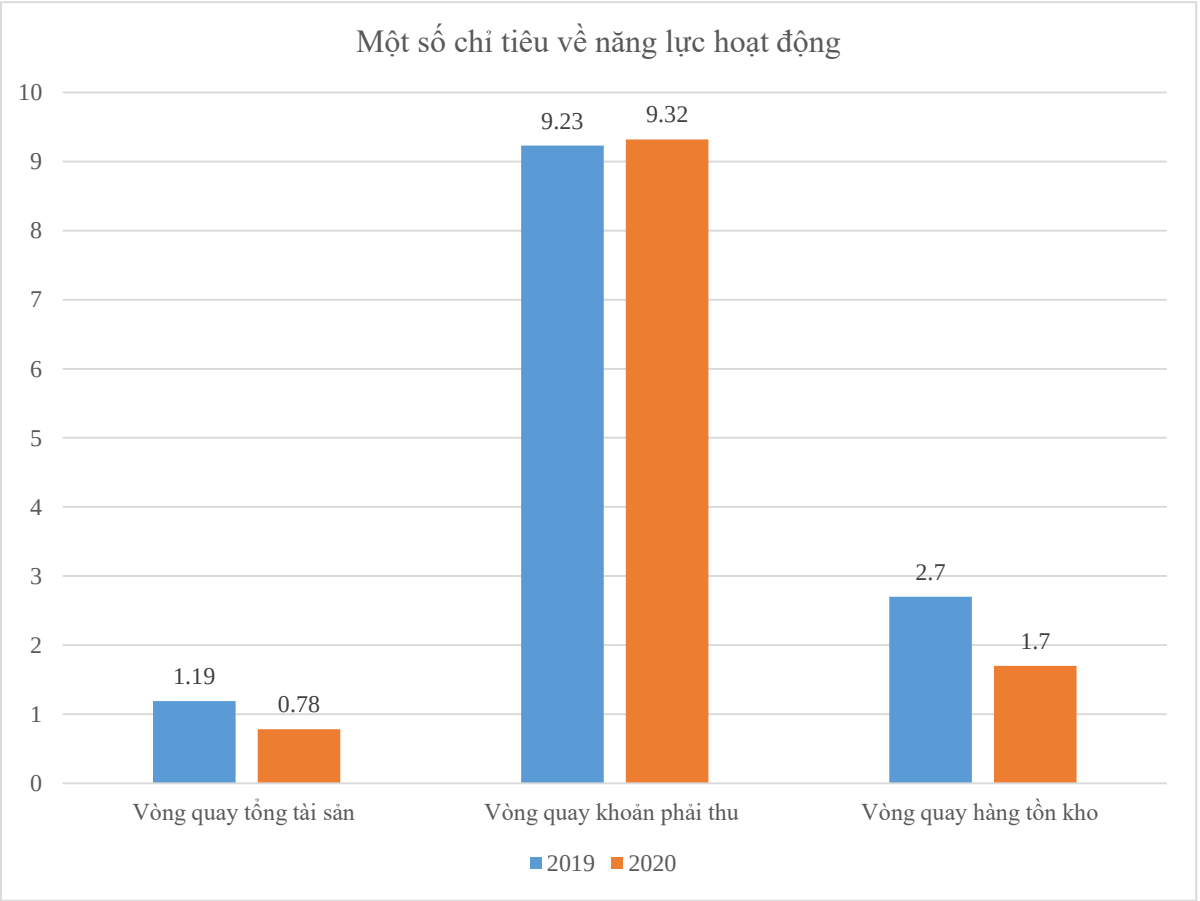
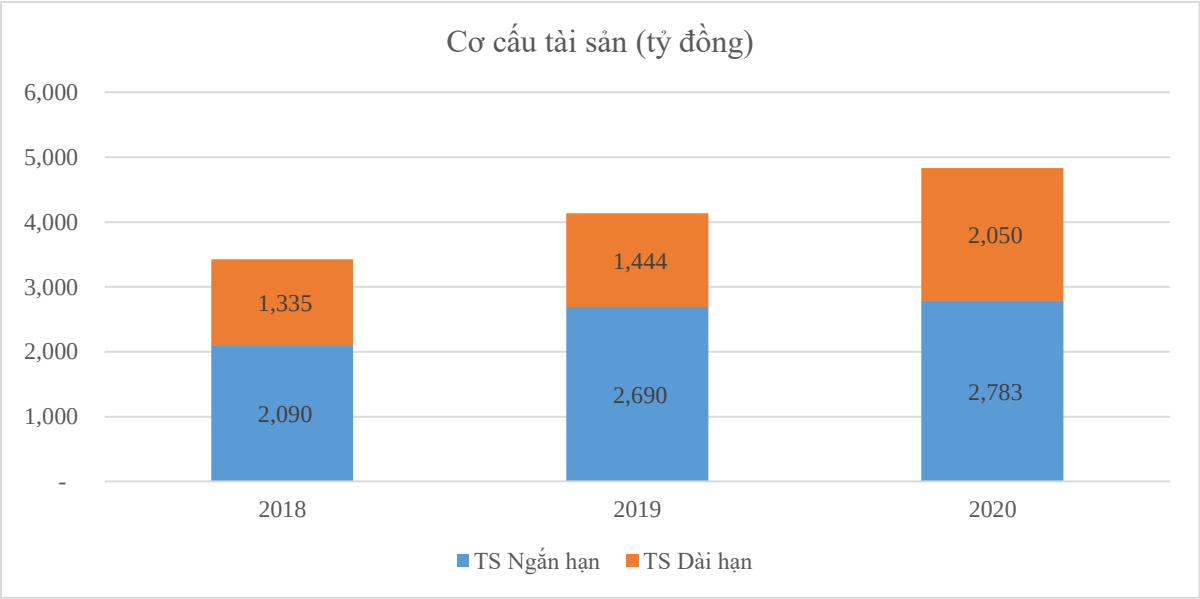
- Vòng quay tổng tài sản giảm từ 1,19 xuống 0,77 vòng.
- Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 2,7 vòng xuống 1,7 vòng.

❖ Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2020, Tổng nợ phải trả của Công ty là 2.500 tỷ đồng, chiếm 52% cơ cấu nguồn vốn (nợ phải trả /tổng nguồn vốn).

Nhìn chung, cơ cấu nợ này ở mức tốt so với các doanh nghiệp trong cùng ngành.

Trong đó, nợ ngắn hạn là 2.339 tỷ chiếm tỷ trọng chủ yếu là 94% trong tổng nợ phải trả Công ty luôn coi trọng công tác quản trị rủi ro nói chung và rủi ro thanh khoản nói riêng. Ban điều hành thường xuyên theo dõi yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động dòng tiền của Công ty.



❖ Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá:

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng USD.

❖ Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2019	2020
Vay ngắn hạn	Tỷ đồng	1.295,0	1.681,5
Vay dài hạn	Tỷ đồng	20,3	159
Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	48,8	61,9
Chi phí lãi vay/ Doanh thu thuần	%	1,1%	1,8%

Năm 2020, lãi vay công ty phải trả là 61,9 tỷ đồng, tăng so với năm 2019 do công ty tăng nợ vay. Đây là mức thấp và thể hiện công ty không chịu nhiều rủi ro về biến động lãi suất.

2. Kế hoạch phát triển trong tương lai

2.1. Mục tiêu- chiến lược SXKD năm 2021

- Tích cực đi vào chất lượng của chuỗi sản xuất theo hướng nâng cao chất lượng, giảm chi phí, đảm bảo môi trường.
- Tìm kiếm thêm các khách hàng mới và duy trì khách hàng hiện hữu
- Duy trì năng lực sản xuất và cải thiện kỹ thuật nuôi trồng và chế biến thủy sản để có sản phẩm đạt chất lượng tốt, ổn định, giá cả hợp lý.

2.2. Chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2021

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021 (Tỷ đồng)
Tổng doanh thu	4.500
Tổng lợi nhuận trước thuế	450
Cổ tức	10%

D. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

❖ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020

Chỉ tiêu kế hoạch	Kế hoạch 2020 (Tỷ đồng)	Thực hiện 2020 (Tỷ đồng)	Thực hiện/Kế hoạch (%)
Doanh thu thuần	3.000	3.439	114%
Tổng lợi nhuận sau thuế	200	202	101%

❖ **Kết quả thực hiện năm 2020** doanh thu thuần đạt 3.439 tỷ, vượt kế hoạch 14%; Lợi nhuận sau thuế đạt 202 tỷ, vượt kế hoạch 1%. Được kết quả như trên là do:

- **Công ty đầu tư theo chiều sâu của chuỗi giá trị:** nên ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, ổn định chất lượng và chi phí cạnh tranh được với các doanh nghiệp cùng ngành...

- Các đơn hàng xuất khẩu phối hợp thực hiện tốt giữa các bộ phận từ khâu đầu triển khai đơn hàng đến khâu cuối là xuất hàng cho khách.

- Duy trì các cuộc họp phân tích, thảo luận chuyên sâu về những tồn tại của sản phẩm và có giải pháp khắc phục nhanh, thỏa mãn tốt các yêu cầu khách hàng.

- Đội ngũ quản lý và công nhân viên luôn cải tiến đổi mới trong công việc..., góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt nhất các chỉ tiêu được giao.

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Năm qua, Navico đã triển khai và tổ chức tốt hệ thống đảm bảo chất lượng tại ba nhà máy là nhà máy Nam Việt, Thái Bình Dương và nhà máy Ấn Độ Dương thực hiện và đảm bảo ổn định chất lượng cho các đơn hàng xuất khẩu, đáp ứng tốt chất lượng hàng xuất xưởng.

❖ Các công tác khác

- **Công tác kiểm soát chi phí và tiết kiệm chi phí** luôn được các đơn vị nghiệp vụ như kế toán, mua hàng, sản xuất, xuất nhập khẩu... quan tâm và theo sát tình hình chi phí trong hoạt động thông qua phân tích nguyên nhân làm chi phí tăng cao và giải pháp khắc phục; kiểm soát công việc giao nhận, xuất nhập hàng hóa ...

- **Trong quản lý**, công ty luôn phát triển, khai thác và ứng dụng phần mềm ERP quản lý sản xuất kinh doanh công ty, phân tích hiệu quả hoạt động.

- **Thực hiện đầy đủ** các chế độ kế toán, chính sách do Nhà nước ban hành, tuân thủ các yêu cầu về chuẩn mực kế toán do nhà nước quy định, lưu trữ, sắp xếp tốt các chứng từ, hồ sơ kế toán đáp ứng nhanh các yêu cầu kiểm tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước.

- **Trách nhiệm với môi trường, xã hội, cộng đồng:** Công ty đã kiểm soát và tuân thủ việc bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất theo quy định Cơ quan Nhà nước, luôn quan tâm tới thực hiện các hoạt động xã hội, cộng đồng tại địa phương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

❖ Về chỉ đạo, điều hành, giám sát, các hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Theo dõi, giám sát thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

- Ban Tổng giám đốc luôn lấy hiệu quả kinh tế & lợi nhuận làm mục tiêu hành động, sâu sát với công việc, có trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ được giao, đem lại hiệu quả cao nhất cho công ty.

- Đội ngũ lãnh đạo có tư duy tổng hợp, phân tích tìm ra những nguyên nhân yếu kém và các giải pháp cải tiến, khắc phục kịp thời những hạn chế trong điều hành, ngăn chặn thất thoát thiệt hại cho công ty.

- gương mẫu chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định trong điều lệ Công ty, thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

❖ Kết quả đạt được:

- Mặc dù trong năm 2020 công ty đã gặp phải rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid diễn biến phức tạp trên toàn cầu, đã làm ảnh hưởng đến sức mua do giãn cách xã hội, nhưng Ban Tổng giám đốc đã lãnh đạo công ty thực hiện hoàn thành chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận.

❖ Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tích cực tìm kiếm thêm các đối tác, khách hàng để mở rộng thị trường.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra để đáp ứng các quy chuẩn của từng quốc gia.

- Đa dạng hóa sản phẩm chế biến từ cá tra và quan tâm phát triển thị trường nội địa.

- Sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, ứng dụng các thành tựu công nghệ và kỹ thuật vào sản xuất, quản lý để nâng cao năng suất.

- Tiếp tục áp dụng công nghệ cao tự chủ về con giống cá tra chất lượng cao.

- Đầu tư sản xuất Collagen và Genlatin, công suất 780 tấn / năm.

- Đầu tư sản xuất phân bón hữu cơ từ phân cá và cá, công suất 70.000 tấn / năm.

- Đầu tư điện năng lượng mặt trời 650 Mw theo lộ trình Quy hoạch điện VIII được Chính phủ phê duyệt.

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Thành viên	Chức vụ tại Công ty Nam Việt	Số lượng cổ phần nắm giữ (Mã ANV)	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Ông Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch HĐQT	469.000	0,37%
2	Ông Doãn Tới	Phó Chủ tịch HĐQT	71.805.000	56,3%
3	Ông Doãn Chí Thanh	Thành viên HĐQT	17.160.000	13,45%
4	Ông Doãn Chí Thiên	Thành viên HĐQT	17.159.999	13,45%
5	Bà Doãn Hải Phượng	Thành viên HĐQT Độc lập	50.100	0,04%
6	Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên HĐQT Độc lập	0	0%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Trong năm 2020 không thành lập tiểu ban nào.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Chỉ đạo, giám sát, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020.
- Thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự	Ghi chú
1	Doãn Tới	Phó Chủ tịch HĐQT	10	100%		
2	Nguyễn Duy Nhứt	Phó Chủ tịch HĐQT	05	50%		Miễn nhiệm 01/7/2020
3	Doãn Chí Thanh	Thành viên	10	100%		
4	Doãn Chí Thiên	Thành viên	10	100%		
5	Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch HĐQT	10	100%		
6	Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên	10	100%		
7	Nguyễn Thanh Ngọc	Thành viên	05	50%		Miễn nhiệm 01/7/2020

8	Doãn Hải Phượng	Thành viên	10	100%		
---	-----------------	------------	----	------	--	--

- Nội dung và kết quả của các cuộc họp Hội đồng Quản Trị:

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	23/NQ-HĐQT	20/03/2020	V/v tổ chức Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2020 và tạm ứng 10% cổ tức đợt 1 năm 2019
2	42/NQ-HĐQT	07/5/2020	V/v Điều chỉnh thời gian chi trả tạm ứng 10% cổ tức đợt 1 năm 2019
3	82/NQ-HĐQT	01/6/2020	V/v bổ nhiệm ông Lê Tiến Dũng giữ chức vụ Thư ký HĐQT Công ty Cổ phần Nam Việt
4	63/NQ-HĐQT	25/6/2020	V/v Thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc công ty CP Nam Việt từ 01/7/2020 đối với Ông Nguyễn Duy Nhứt
5	64/NQ-HĐQT	25/6/2020	V/v bổ nhiệm ông Trần Minh Cảnh giữ chức vụ phó Tổng giám đốc Công ty CP Nam Việt từ 01/7/2020
6	99/NQ-HĐQT	30/6/2020	V/v bổ nhiệm ông Đỗ Lập Nghiệp giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nam Việt từ 01/7/2020
7	98/NQ-HĐQT	30/6/2020	V/v Thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT đối với ông Doãn Tới để giữ chức vụ phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nam Việt từ 01/7/2020
8	102/QĐ-HĐQT	10/7/2020	V/v Thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT
9	154/NQ-HĐQT	28/8/2020	V/v phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội 2020
10	151/NQ-HĐQT	07/9/2020	V/v cử người đại diện phần vốn góp vào công ty TNHH AMICOGEN Nam Việt
11	161/NQ-HĐQT	23/9/2020	V/v điều chỉnh, bổ sung quy mô dự án, diện tích sử dụng đất và tiến độ thực hiện dự án đầu tư nuôi trồng thủy sản Vĩnh bình –Châu thành –An Giang
12	201/NQ-HĐQT	05/11/2020	V/v chi trả cổ tức 10% đợt 2 năm 2019

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Tham gia dự họp đầy đủ các phiên họp của HĐQT, tham gia giám sát việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Ban Tổng giám đốc

- Thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Trong năm không tham gia các chương trình đào tạo về quản trị doanh nghiệp.

2. Ban kiểm toán nội bộ:

Ngày 10/7/2020, Hội đồng Quản trị ban hành quyết định 102/QĐ-HĐQT thành lập Ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm toán nội bộ:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ (Mã ANV)	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Dương Minh Phong	Trưởng Ban	20.444	0,016%
2	Lê Tiến Dũng	Thành viên	0	0%
3	Nguyễn Trọng Hữu	Thành viên	0	0%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

STT	Thành viên Ban KTNB	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Dương Minh Phong	Trưởng Ban	5	100%
2	Lê Tiến Dũng	Thành viên	5	100%
3	Nguyễn Trọng Hữu	Thành viên	5	100%

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị; Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán.

a. Tiền thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm toán

1- Ông Đỗ Lập Nghiệp – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc	785.712.305
2- Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	534.064.638
3- Ông Nguyễn Duy Nhút – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc	502.728.923
4- Ông Trần Minh Cảnh – Phó Tổng Giám đốc	454.662.627
5- Ông Nguyễn Văn Vỹ – Phó Tổng Giám đốc	472.863.706
6- Ông Doãn Chí Thanh – Thành viên Hội đồng quản trị	707.626.638
7- Ông Doãn Chí Thiên – Thành viên Hội đồng quản trị	690.593.638
8- Bà Nguyễn Thị Minh Ý – Thành viên độc lập	120.000.000
9- Bà Doãn Hải Phượng – Thành viên độc lập	120.000.000
10- Ông Nguyễn Thanh Ngọc – Thành viên độc lập	60.000.000

11-Ông Dương Minh Phong – Trưởng ban kiểm toán nội bộ	221.065.799
12-Ông Lê Tiến Dũng – Thành viên ban kiểm toán nội bộ	184.914.799
13-Ông Nguyễn Trọng Hữu – Thành viên ban kiểm toán nội bộ	135.926.248

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Doãn Tới	Phó Chủ tịch HĐQT	67.305.000	52,77%	71.805.000	56,3%	Tăng tỷ lệ sở hữu

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: tính từ 01/01/2020 đến 31/12/2020

STT	Bên A	Bên B	NỘI DUNG GIAO DỊCH
1	Công ty CP Nam Việt	Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Góp vốn
			Đi vay
			Chi hộ
2	Công ty CP Nam Việt	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Navifeed	Bán thức ăn thủy sản
			Dịch vụ khác
			Lãi bán hàng trả chậm
			Mua dịch vụ khác
3	Công ty CP Nam Việt	Công ty TNHH Đại Tây Dương	Bán vật tư
			Mua vật tư
			Mua tài sản
			Thuê kho, tiền điện
			Phí sử dụng hạ tầng
4	Công ty CP Nam Việt	Doãn Tới	Đi vay
			Công ty chia cổ tức

			Bán vật tư
5	Công ty CP Nam Việt	Dương Thị Kim Hương	Đi vay
6	Công ty CP Nam Việt	Doãn Chí Thanh	Đi vay
			Công ty chia cổ tức
			Lãi đi vay
7	Công ty CP Nam Việt	Doãn Chí Thiên	Đi vay
			Công ty chia cổ tức

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Về quản trị Công ty thực hiện theo các Quy định của pháp luật, luôn công khai, minh bạch, có hiệu quả.

F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 10 tháng 7 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
- Điện thoại : (84-296) 3834060
- Fax : (84-296) 3834054

Công ty có đơn vị trực thuộc là Nhà máy Chế biến Thức ăn Thủy sản - Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt, đặt tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Bán buôn hóa chất;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất và bán buôn thuốc thú y, thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất điện năng lượng mặt trời;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin.



Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Doãn Chí Thanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016
Ông Doãn Chí Thiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Bà Doãn Hải Phượng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Ông Nguyễn Thanh Ngọc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Dương Minh Phong	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Đoàn Hữu Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Kim Ngọc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

Ban kiểm toán nội bộ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Dương Minh Phong	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Trọng Hữu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2020
Ông Lê Tiến Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2007
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2011
Ông Nguyễn Văn Vỹ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Minh Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Doãn Tới - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020).

Ông Doãn Tới đã ủy quyền cho Ông Trần Minh Cảnh - Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ-KTTC ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị

CHỦ TỊCH



Ngày 27 tháng 3 năm 2021



Số: 1.0683/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

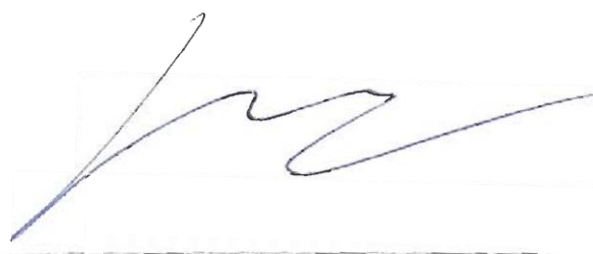
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1



Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2021

36

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.783.810.065.611	2.690.487.470.190
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	43.798.851.185	24.589.646.497
1. Tiền	111		43.798.851.185	24.589.646.497
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		321.370.000.000	585.058.006.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	321.370.000.000	585.058.006.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		431.621.691.451	443.060.325.652
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	334.320.441.326	403.589.853.940
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	74.683.585.139	30.670.040.724
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	504.000.000	1.406.174.900
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	36.791.129.867	19.204.295.437
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(14.677.464.881)	(11.810.039.349)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.900.267.458.623	1.583.402.400.016
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1.904.336.768.761	1.587.315.676.842
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(4.069.310.138)	(3.913.276.826)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		86.752.064.352	54.377.092.025
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	8.863.679.179	7.196.546.929
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		77.888.385.173	47.180.545.096
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.050.269.593.712	1.444.110.150.145
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.697.730.352	1.664.788.864
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	4.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	10.697.730.352	1.660.788.864
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.019.112.911.015	552.765.844.207
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	590.793.439.988	269.121.901.467
- Nguyên giá	222		1.543.954.041.612	1.159.887.986.836
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(953.160.601.624)	(890.766.085.369)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	181.114.894.180	32.689.277.641
- Nguyên giá	225		190.695.705.337	52.601.457.221
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.580.811.157)	(19.912.179.580)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	247.204.576.847	250.954.665.099
- Nguyên giá	228		263.142.512.253	263.882.027.043
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.937.935.406)	(12.927.361.944)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		783.849.666.384	670.941.792.263
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	783.849.666.384	670.941.792.263
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		147.052.066.768	144.134.482.764
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	22.947.678.199	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	143.904.000.000	155.304.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(19.799.611.431)	(11.169.517.236)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		89.557.219.193	74.603.242.047
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	84.723.969.193	73.478.242.047
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	4.833.250.000	1.125.000.000
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.834.079.659.323	4.134.597.620.335

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.500.105.355.903	1.748.537.857.844
I. Nợ ngắn hạn	310		2.338.994.193.517	1.728.264.509.491
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	431.810.026.056	199.547.775.490
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	14.176.728.584	11.221.696.289
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	45.773.506.693	125.796.103.646
4. Phải trả người lao động	314	V.18	49.201.085.069	70.765.617.066
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	8.231.951.610	5.036.889.163
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		141.845.950	302.775.613
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	107.724.693.490	20.073.834.393
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1.681.501.376.760	1.295.031.838.526
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	432.979.305	487.979.305
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		161.111.162.386	20.273.348.353
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	159.001.743.651	20.273.348.353
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23	2.109.418.735	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

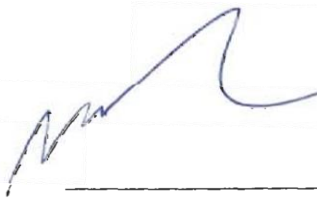
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.333.974.303.420	2.386.059.762.491
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.333.974.303.420	2.386.059.762.491
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	1.275.396.250.000	1.275.396.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.275.396.250.000	1.275.396.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	21.489.209.100	21.489.209.100
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.24	(27.587.629.848)	(27.587.629.848)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	1.064.676.474.168	1.116.761.933.239
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		862.506.183.239	1.116.761.933.239
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		202.170.290.929	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.834.079.659.323	4.134.597.620.335

An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2021


Cao Thị Kim Thoa
Người lập biểu


Huỳnh Thị Kim Thoa
Kế toán trưởng


Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.477.498.386.090	4.519.152.777.149
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	38.834.026.406	38.286.310.524
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.438.664.359.684	4.480.866.466.625
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.953.993.101.824	3.438.294.141.749
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		484.671.257.860	1.042.572.324.876
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	42.934.983.445	52.427.826.708
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	80.030.865.651	60.121.583.999
Trong đó: chi phí lãi vay	23		61.916.606.514	48.824.417.551
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	(292.321.801)	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	185.263.413.739	190.709.050.070
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	56.561.834.630	46.560.789.498
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		205.457.805.484	797.608.728.017
12. Thu nhập khác	31	VI.8	35.047.702.141	33.906.212.682
13. Chi phí khác	32	VI.9	873.665.396	1.010.913.607
14. Lợi nhuận khác	40		34.174.036.745	32.895.299.075
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		239.631.842.229	830.504.027.092
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	39.060.382.565	127.359.652.858
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14, V.23	(1.598.831.265)	(900.000.000)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		202.170.290.929	704.044.374.234
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		202.170.290.929	704.044.374.234
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.590	5.541
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.590	5.541

An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY
CP
NAM VIỆT
TP. LONG XUYỀN, T. AN GIANG

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

Cao Thị Kim Thơ
Người lập biểu

Huỳnh Thị Kim Thoa
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		239.631.842.229	830.504.027.092
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	89.772.285.186	81.120.003.868
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.7, V.8	13.225.423.868	5.492.078.106
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	(1.104.763.560)	424.724.230
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b, VI.4, V.5, VI.8	(30.505.383.197)	(58.249.730.138)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	61.916.606.514	48.824.417.551
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		372.936.011.040	908.115.520.709
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(583.060.493.094)	(200.241.575.332)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(317.021.091.919)	(618.036.001.100)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		689.893.900.968	390.238.347.421
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.291.368.471)	(10.831.223.734)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, VI.5	(62.170.079.706)	(53.506.693.493)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(122.763.543.492)	(87.875.447.967)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(55.000.000)	(69.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(29.531.664.674)	327.793.926.504
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11, V.13, VII	(604.994.747.157)	(432.070.009.860)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, V.12, VI.8	126.005.596.053	78.122.719.457
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a, V.5	(567.170.000.000)	(1.251.373.406.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a, V.5	830.886.406.000	1.296.994.300.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(23.240.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.4	33.135.078.772	56.239.934.862
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(205.377.666.332)	(252.086.461.541)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

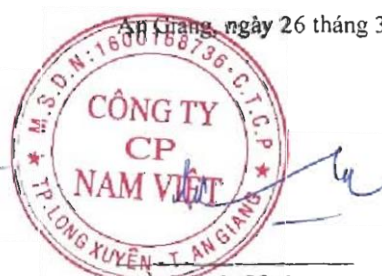
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.24a	-	24.920.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.24a	-	(170.000.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21, V.II	3.861.664.863.115	4.303.843.227.771
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(3.417.294.881.699)	(4.242.526.202.498)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21	(31.973.927.272)	(15.678.625.934)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, V.24	(158.139.811.265)	(190.525.369.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		254.256.242.879	(120.136.970.161)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		19.346.911.873	(44.429.505.198)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	24.589.646.497	69.153.027.332
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(137.707.185)	(133.875.637)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	43.798.851.185	24.589.646.497


Cao Thị Kim Thơ
 Người lập biểu


Huỳnh Thị Kim Thoa
 Kế toán trưởng

An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Trần Minh Cảnh
 Phó Tổng Giám đốc



**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Doãn Côi